



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III/2025

(theo quyết định số 14 ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Văn phòng HĐND-UBND xã Bắc Thanh Miện

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ III	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ CHI	17.106.201.687	10.469.386.429	61,20
1	Chi thường xuyên	17.106.201.687	10.469.386.429	61,20
2	Dự phòng + tiết kiệm	-		0,00

Văn phòng HĐND-UBND xã Bắc Thanh Miện



**TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ
QUÝ III NĂM 2025**

(theo quyết định số 14 ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Văn phòng HĐND-UBND xã Bắc Thanh Miện)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	XDCB	TX	Tổng số	XDCB	TX	Tổng số	XDCB	TX
1	2	3	4	5	6	7	8 = 5/2	9 = 6/3	10 = 7/4
Tổng số chi	17.106.201.687		17.106.201.687	7.654.243.433		7.654.243.433	44,75		44,75
1. Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	1.458.897.487		1.458.897.487	437.730.018		437.730.018	30,00		30,00
1.1. Chi dân quân tự vệ	294.694.487		294.694.487	161.940.032		161.940.032	54,95		54,95
1.2. Chi trật tự an toàn xã hội	1.164.203.000		1.164.203.000	275.789.986		275.789.986	23,69		23,69
2. Chi giáo dục	1.937.211.000		1.937.211.000	-		-	-		-
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-			-					#DIV/0!
4. Chi y tế	166.649.000		166.649.000	-		-	-		-
5. Chi văn hóa, thông tin	428.253.140		428.253.140	168.538.342		168.538.342	39,35		39,35
6. Chi phát thanh, truyền thanh	277.982.000		277.982.000	89.748.000		89.748.000	32,29		32,29
7. Chi thể dục, thể thao	283.800.000		283.800.000	23.200.000		23.200.000	8,17		8,17
8. Chi bảo vệ môi trường	12.846.000		12.846.000	12.500.000		12.500.000	97,31		97,31
9. Chi các hoạt động kinh tế	1.559.852.300		1.559.852.300	797.178.500		797.178.500	51,11		51,11
10. Các hoạt động kinh tế khác	170.000.000		170.000.000	425.717		425.717	0,25		0,25

Nội dung	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	XDCB	TX	Tổng số	XDCB	TX	Tổng số	XDCB	TX
1	2	3	4	5	6	7	8 = 5/2	9 = 6/3	10 = 7/4
11. Chi quản lý Nhà nước	7.071.152.002		7.071.152.002	3.193.416.670		3.193.416.670	45,16		45,16
12. Chi cho công tác xã hội	3.739.558.758		3.739.558.758	2.493.776.168		2.493.776.168	66,69		66,69